

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC KẠN**

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019*

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>2 - 3</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>4 - 5</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 21

## **CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC KẠN**

Địa chỉ: Số 314 Võ Nguyên Giáp, Phường Chí Kiên, Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Kạn (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

#### **CÔNG TY**

Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Bắc Kạn được chuyển đổi từ Ban Xổ số kiến thiết tỉnh Bắc Kạn theo quyết định số 1180/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 4700213346 ngày 19/10/2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4700213346 ngày 19/10/2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Thương mại, Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc (Kinh doanh phát hành các loại hình xổ số);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn);
- Cho thuê xe có động cơ (Cho thuê ô tô du lịch);
- Điều hành tua du lịch (Kinh doanh dịch vụ du lịch);
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Dịch vụ nhà hàng).

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 8.758.456.042 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 314, đường Võ Nguyên Giáp, phường Chí Kiên, TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

#### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kết quả trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 8 đến trang 9.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

*Các thành viên của Ban giám đốc tại ngày lập báo cáo này bao gồm:*

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Duy Phương	Phó Giám đốc

# CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC KẠN

Địa chỉ: Số 314 Võ Nguyên Giáp, Phường Chí Kiên, Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Tài chính Quốc Gia (NAFICO) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty các năm sau.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



**Ông Nguyễn Thanh Lâm**  
Chủ tịch kiêm Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 14 tháng 05 năm 2020



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC GIA

Add: 17<sup>th</sup> Floor, A Tower, 18 Pham Hung Street, Nam Tu Liem, Ha Noi, Vietnam

Tel: +84-4 3 795 54 04 Fax: +84-4 3 795 54 05 website: www.nafico.com.vn

Số: 162/2020/NAFICO/BCTC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Kạn**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Tài chính Quốc gia (NAFICO), đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Kạn (sau đây gọi là “Công ty”) được lập tại ngày 14/05/2020, từ trang 06 đến trang 21 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Công ty chưa trình bày số liệu đầu kỳ cũng như số liệu cuối kỳ của chi tiêu “Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng và Doanh số phát hành xổ số kiến thiết” trên Báo cáo Tài chính (chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán) theo quy định tại thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ Tài Chính, về việc hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty xổ số kiến thiết.

### ***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xô số kiến thiết Bắc Kạn ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Thị Hương**  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
*Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán*  
*Số đăng ký: 1990-2018-233-1*

*Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2020*

**Lê Thị Thái Hà**  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
*Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán*  
*Số đăng ký: 2496-2018-233-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>11.436.194.026</b>	<b>8.326.339.500</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>8.200.076.118</b>	<b>7.842.605.198</b>
1. Tiền	111		2.191.079.161	7.842.605.198
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.008.996.957	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.500.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>489.847.100</b>	<b>288.299.900</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		393.324.500	118.539.500
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	96.522.600	169.760.400
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>204.261.243</b>	<b>139.883.368</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	204.261.243	139.883.368
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42.009.565</b>	<b>55.551.034</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	15.785.735	30.741.534
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	26.223.830	24.809.500
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>6.497.324.662</b>	<b>7.042.290.799</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.480.780.684</b>	<b>6.818.928.604</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	6.480.780.684	6.818.928.604
- Nguyên giá	222		8.693.793.039	8.693.793.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.213.012.355)	(1.874.864.435)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		75.600.000	75.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.600.000)	(75.600.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.543.978</b>	<b>223.362.195</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	16.543.978	223.362.195
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>17.933.518.688</b>	<b>15.368.630.299</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

tại ngày 31/12/2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>8.713.331.000</b>	<b>5.675.364.033</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.714.781.000</b>	<b>4.604.814.033</b>
2. Phải trả người bán	312		965.375.935	532.751.716
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	1.613.841.085	123.091.822
5. Phải trả người lao động	315		1.880.834.518	1.597.652.416
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.10	3.113.920	310.432.329
11. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321		1.916.132.542	1.741.856.587
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.335.483.000	299.029.163
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>998.550.000</b>	<b>1.070.550.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.11	998.550.000	1.070.550.000
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>9.220.187.688</b>	<b>9.693.266.266</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>9.220.187.688</b>	<b>9.693.266.266</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.758.456.042	8.758.456.042
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		461.731.646	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	934.810.224
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>17.933.518.688</b>	<b>15.368.630.299</b>

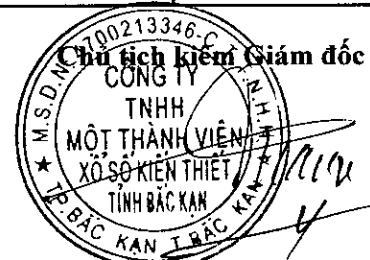
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Vé xổ số nhận bán hộ.		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		-	-
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		-	-
7. Ngoại tệ các loại		-	-
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Nhân

Nguyễn Thị Mai Xuân

Nguyễn Thanh Lâm

Ngày 14 tháng 05 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu (01 = 01.1 + 01.2)</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>70.970.138.341</b>	<b>62.219.811.580</b>
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		70.968.518.180	62.209.145.456
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		919.709.090	1.058.654.546
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2		-	-
1.1.3. Xổ số bốc	01.1.3		917.913.636	994.509.091
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		69.130.895.454	60.155.981.819
1.1.5. Xổ số điện toán	01.1.5		-	-
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		1.620.161	10.666.124
<b>2. Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>VI.1</b>	<b>9.256.763.239</b>	<b>8.114.236.362</b>
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		9.256.763.239	8.114.236.362
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		119.962.053	138.085.375
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2		-	-
2.1.3. Xổ số bốc	02.1.3		119.727.865	129.718.577
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		9.017.073.321	7.846.432.410
2.1.5. Xổ số điện toán	02.1.5		-	-
2.2. Giảm trừ doanh thu kinh doanh khác	02.2		-	-
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>61.713.375.102</b>	<b>54.105.575.218</b>
3.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	10.1		61.711.754.941	54.094.909.094
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		799.747.037	920.569.171
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2		-	-
3.1.3. Xổ số bốc	10.1.3		798.185.771	864.790.514
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		60.113.822.133	52.309.549.409
3.1.5. Xổ số điện toán	10.1.5		-	-
3.2. Doanh thu kinh doanh khác	10.2		1.620.161	10.666.124
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.2</b>	<b>56.106.414.060</b>	<b>48.694.153.014</b>
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		56.106.414.060	48.694.153.014
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		45.012.328.723	38.549.004.192
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		11.094.085.337	10.145.148.822

0915.637.541

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.606.961.042	5.411.422.204
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		5.605.340.881	5.400.756.080
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		1.620.161	10.666.124
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	286.032.647	257.803.963
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.652.605.166	5.074.118.972
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.240.388.523	595.107.195
11. Thu nhập khác	31		900.800	-
12. Chi phí khác	32	VI.4	388.736.199	4.260.000
13. Lợi nhuận khác	40		(387.835.399)	(4.260.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		852.553.124	590.847.195
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	248.257.865	119.021.439
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		604.295.259	471.825.756

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nhân  
Ngày 14 tháng 05 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Xuân



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp trực tiếp)*  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		76.154.100.000	63.550.050.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.253.606.745)	(973.640.197)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.954.149.402)	(3.746.069.039)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(30.000.000)	(181.831.437)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		900.800	59.030.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(69.845.806.380)	(56.679.706.742)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>71.438.273</b>	<b>2.027.832.585</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21			(89.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		286.032.647	257.803.963
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>286.032.647</b>	<b>168.803.963</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>357.470.920</b>	<b>2.196.636.548</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	7.842.605.198	5.645.968.650
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	8.200.076.118	7.842.605.198

Người lập biểu



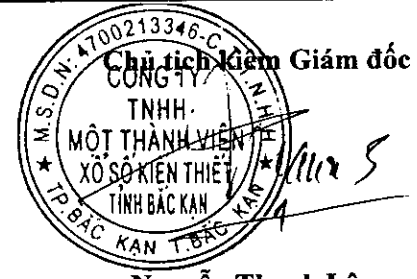
Nguyễn Thị Nhân

Ngày 14 tháng 05 năm 2020

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Xuân



Nguyễn Thanh Lâm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu**

Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Bắc Kạn được chuyển đổi từ Ban Xổ số kiến thiết tỉnh Bắc Kạn theo quyết định số 1180/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 4700213346 ngày 19/10/2011.

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 8.758.456.042 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 314, đường Võ Nguyên Giáp, phường Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4700213346 ngày 19/10/2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Thương mại, Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc (Kinh doanh phát hành các loại hình xổ số);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn);
- Cho thuê xe có động cơ (Cho thuê ô tô du lịch);
- Điều hành tua du lịch (Kinh doanh dịch vụ du lịch);
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Dịch vụ nhà hàng).

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014, thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ Tài Chính, về việc hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty xổ số kiến thiết.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

**1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính sẽ được bù trừ giữa phần chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Lợi nhuận chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại không được dùng để chia cổ tức.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

**3.2. Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho**

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

**3.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

**4. Phương pháp ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**4.2. Phương pháp khấu hao**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

Tỷ lệ khấu hao của các tài sản cố định của Công ty áp dụng cho năm 2019 như sau:

- Tài sản cố định hữu hình:

<u>Danh mục</u>	<u>Thời gian</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm

- Tài sản cố định vô hình:

<u>Danh mục</u>	<u>Thời gian</u>
Phần mềm máy tính	5 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

**5.1. Chi phí trả trước**

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

**5.2. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

**6. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán (nếu có) bao gồm: Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, sẽ kết chuyển vào chi phí đầu tư khi hoạt động đầu tư XDCB hoàn thành. Và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**7.1. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ: Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**7.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
 (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng

**V.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	884.228.334	650.641.212
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.306.850.827	936.475.337
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.113.534.034	428.722.145
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	7.714.212	7.692.918
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	185.602.581	500.060.274
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng	6.008.996.957	6.255.488.649
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.424.888.658	3.748.656.694
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	1.584.108.299	1.506.831.955
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.200.076.118</u></b>	<b><u>7.842.605.198</u></b>

**V.2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	2.500.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.500.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**V.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương 2017 phải thu của quản lý chuyên trách	-	77.760.000
Các khoản khác	96.522.600	92.000.400
<b>Cộng</b>	<b><u>96.522.600</u></b>	<b><u>169.760.400</u></b>

**V.4 HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vé xổ số kiến thiết	159.861.243	92.783.368
Hàng hóa	44.400.000	47.100.000
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>204.261.243</u></b>	<b><u>139.883.368</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

**V. 5 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.955.799
Thuế thu nhập cá nhân	15.785.735	15.785.735
<b>Cộng</b>	<b>15.785.735</b>	<b>30.741.534</b>

**V. 6 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	26.223.830	24.809.500
<b>Cộng</b>	<b>26.223.830</b>	<b>24.809.500</b>

**V. 7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

TT	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I</b>	<b>Nguyên giá</b>				
1	Số đầu năm	7.146.909.448	1.021.200.000	525.683.591	8.693.793.039
2	Tăng trong năm	-	-	-	-
3	Giảm trong năm	-	-	-	-
4	Số cuối năm	7.146.909.448	1.021.200.000	525.683.591	8.693.793.039
<b>II</b>	<b>Hao mòn lũy kế</b>				
1	Số đầu năm	827.618.267	691.371.400	355.874.768	1.874.864.435
2	Tăng trong năm	191.942.871	102.120.000	44.085.049	338.147.920
	<i>Trích khấu hao</i>	<i>191.942.871</i>	<i>102.120.000</i>	<i>44.085.049</i>	<i>338.147.920</i>
3	Giảm trong năm	-	-	-	-
4	Số cuối năm	1.019.561.138	793.491.400	399.959.817	2.213.012.355
<b>III</b>	<b>Giá trị còn lại</b>				
1	Số đầu năm	6.319.291.181	329.828.600	169.808.823	6.818.928.604
2	Số cuối năm	6.127.348.310	227.708.600	125.723.774	6.480.780.684

**V. 8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	17.620.251	223.362.195
<b>Cộng</b>	<b>17.620.251</b>	<b>223.362.195</b>

**V. 9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	599.367.353	6.970.551
Thuế tiêu thụ đặc biệt	811.171.666	116.121.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp	203.302.066	-
<b>Cộng</b>	<b>1.613.841.085</b>	<b>123.091.822</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

**V. 10 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hạch toán lại CTGS số 228 về thu tiền theo Quyết định số 95 ngày 8/6/2018	-	26.870.327
Hạch toán lại CTGS số 228+229 tháng 6/2018	-	280.588.000
Phải trả khác	3.113.920	2.974.002
<b>Cộng</b>	<b><u>3.113.920</u></b>	<b><u>310.432.329</u></b>

**V. 11 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn của đại lý	998.550.000	1.070.550.000
<b>Cộng</b>	<b><u>998.550.000</u></b>	<b><u>1.070.550.000</u></b>

**V. 12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	8.758.456.042	-	934.810.224	9.693.266.266
Tăng trong năm nay	-	461.731.646	604.295.259	1.066.026.905
- Tăng quỹ trong năm	-	461.731.646	-	461.731.646
- Lãi trong năm	-	-	604.295.259	604.295.259
- Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm nay	-	-	1.539.105.483	1.539.105.483
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-
- Sử dụng	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	1.539.105.483	1.539.105.483
- Nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>8.758.456.042</u></b>	<b><u>461.731.646</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9.220.187.688</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: đồng

**VI.1 DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>70.970.138.341</b>	<b>62.219.811.580</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu xổ số truyền thống</i>	919.709.090	1.058.654.546
<i>Doanh thu xổ số bóc</i>	917.913.636	994.509.091
<i>Doanh thu xổ số lô tô</i>	69.130.895.454	60.155.981.819
<i>Doanh thu khác</i>	1.620.161	10.666.124
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>9.256.763.239</b>	<b>8.114.236.362</b>
<i>Xổ số truyền thống</i>	119.962.053	138.085.375
<i>Xổ số bóc</i>	119.727.865	129.718.577
<i>Xổ số lô tô</i>	9.017.073.321	7.846.432.410
<i>Doanh thu khác</i>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>61.713.375.102</b>	<b>54.105.575.218</b>
<i>Xổ số truyền thống</i>	799.747.037	920.569.171
<i>Xổ số bóc</i>	798.185.771	864.790.514
<i>Xổ số lô tô</i>	60.113.822.133	52.309.549.409
<i>Doanh thu khác</i>	1.620.161	10.666.124

**VI.2 CHI PHÍ KINH DOANH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí trả thường	45.012.328.723	38.549.004.192
<i>Chi phí trả thường xổ số truyền thống</i>	436.768.723	556.049.192
<i>Chi phí trả thường xổ số bóc</i>	439.255.000	421.090.000
<i>Chi phí trả thường xổ số lô tô</i>	44.136.305.000	37.571.865.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.094.085.337	10.145.148.822
<b>Cộng</b>	<b>56.106.414.060</b>	<b>48.694.153.014</b>

**VI.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	286.032.647	257.803.963
<b>Cộng</b>	<b>286.032.647</b>	<b>257.803.963</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

**VI. 4 CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt hành chính về thuế	388.736.199	4.260.000
<b>Cộng</b>	<b>388.736.199</b>	<b>4.260.000</b>

**VI. 5 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	852.553.124	590.847.195
Các khoản điều chỉnh tăng	388.736.199	4.260.000
<i>Chi phí không hợp lệ (Các khoản phạt hành chính...)</i>	388.736.199	4.260.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế chưa bù trừ lỗ năm trước</b>	<b>1.241.289.323</b>	<b>595.107.195</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>1.241.289.323</b>	<b>595.107.195</b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính năm hiện hành</b>	<b>248.257.865</b>	<b>119.021.439</b>
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>248.257.865</b>	<b>119.021.439</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**VII. 1 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(tiếp theo)

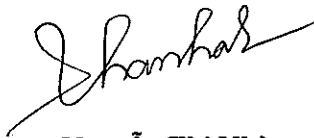
**VII. 2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Tài chính Quốc Gia.

**VII. 3 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính vào ngày 31/12/2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 14/05/2020.

**Người lập biểu**

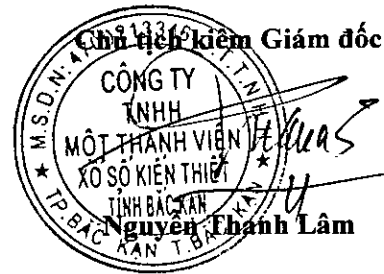


**Nguyễn Thị Nhàn**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Mai Xuân**



Ngày 14 tháng 05 năm 2020